TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2025/DS -ST
Ngày: 28-7-2025
V/v " Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Phương Hạnh
Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh. tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Điểm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 51/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/2025/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp:

+ Ông Lê Yun H– Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt)

+ Ông Trần La Ngọc H1 – Chức vụ: Trưởng Phòng tố tụng (Vắng mặt)

+ Công ty L2

Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H2 – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Bá L, sinh năm 2002.

Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 162/2024/QĐ-MAFC ngày 02-4-2024; Hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02-5-2024 ; Giấy ủy quyền số 47/GUQ-2025 ngày 13-3-2025.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ I, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 28-01-2022, Công ty T (Việt Nam) (*sau đây gọi tắt là Công ty T*) và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2850305, số tiền vay 50.102.000 đồng; lãi suất là 40%/năm; lãi suất quá hạn 150% x lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 35 tháng kể từ ngày 10-02-2022 đến ngày 10-12-2024.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã giải ngân toàn bộ số tiền cho bà Nguyễn Thị Mỹ L1 vào ngày 28-01-2022 vào số tài khoản 671704060072664 của bà L1 tại Ngân hàng TMCP Q (V). Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 mới chỉ thanh toán cho công ty được 07 kỳ với tổng số tiền 16.953.000 đồng, trong đó nợ gốc là 6.984.002 đồng, lãi trong hạn là 9.877.693 đồng, phí thu hộ là 84.000 đồng. Đến ngày 09-8-2022, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng với Công ty T và Công ty đã chuyển nợ quá hạn khoản vay nêu trên.

Nay, Công ty T khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ L1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 thanh toán cho Công ty T tổng số tiền còn nợ là 112.984.478 đồng, trong đó nợ gốc là 43.117.998 đồng, lãi trong hạn là 23.645.121 đồng; lãi quá hạn là 41.294.174 đồng; lãi chậm trả là 4.927.186 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 còn phải chịu lãi, phí phạt phát sinh kể từ ngày 29-7-2025 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà L1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ tranh chấp: Công ty T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L1 hoàn trả tiền nợ theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đề ngày 28-01-2022 nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3.] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.] Về nội dung:

[4.1.] Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2850305 đề ngày 28-11-2022 giữa Công ty T và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 được ký trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp theo quy định, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2.] Căn cứ Điều 10 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2850305 đề ngày 28-11-2022 thì hợp đồng tín dụng được xem là đã giao kết và có hiệu lực kể từ ngày khách hàng ký vào hợp đồng và công ty chấp nhận đề nghị vay vốn bằng việc giải ngân số tiền vay theo như quy định tại hợp đồng tín dụng.

Tại Điều 3, Điều 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2850305 nêu trên quy định thời hạn cho vay, số tiền trả hàng tháng, ngày thanh toán hàng tháng, lãi suất cho vay; lãi quá hạn, lãi chậm trả. Thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4.3.] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L1 đã được giải ngân toàn bộ số

tiền vay vào ngày 28-01-2022 vào số tài khoản 671704060072664 của bà L1 tại Ngân hàng TMCP Q (V).

Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 mới chỉ thanh toán cho công ty được 07 kỳ với tổng số tiền 16.953.000 đồng, trong đó nợ gốc là 6.984.002 đồng, lãi trong hạn là 9.877.693 đồng, phí thu hộ là 84.000 đồng. Đến ngày 09-8-2022, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty và Công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28-7-2025, bà L1 còn nợ Công ty T tổng số tiền là 112.984.478 đồng, trong đó nợ gốc là 43.117.998 đồng, lãi trong hạn là 23.645.121 đồng; lãi quá hạn là 41.294.174 đồng; lãi chậm trả là 4.927.186 đồng.

Căn cứ Khoản 3.3, 3.6 Điều 3; Khoản 8.3 Điều 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2850305 đề ngày 28-01-2022; Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty T thì bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T đã tính lãi trong hạn, quá hạn, chậm trả là có căn cứ, đúng theo hợp đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải trả cho Công ty T tổng số nợ gốc, lãi là 112.984.478 đồng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29-7-2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Công ty T.

[5.] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.649.220 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Các Điều 117; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) Điều 100, Điều 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ trả cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền là 112.984.478đ (*Một trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi tư ngàn bốn trăm bảy mươi tám*) đồng, trong đó nợ gốc là 43.117.998đ (*Bốn mươi ba triệu một trăm mười bảy ngàn chín trăm chín mươi tám*) đồng, lãi trong hạn là 23.645.121đ (*Hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm hai mươi mốt*) đồng; lãi quá hạn là 41.294.174đ (*Bốn mươi mốt triệu hai trăm chín mươi tư ngàn một trăm bảy mươi tư*) đồng; lãi chậm trả là 4.927.186đ (*Bốn triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn một trăm tám mươi sáu*) đồng.

1.2. Kể từ ngày 29-7-2025, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2850305 đề ngày 28-11-2022 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải nộp 5.649.220đ (*năm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm hai mươi*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.077.145đ (*hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi lăm*) đồng theo biên lai thu số 0000413 ngày 06-3-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh (cũ là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 12- TP.HCM;
- Phòng THA DS KV 12- TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hoa